

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36KT1 Nñm h c : 2012-2013 ã VHT : 6
(90,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122164301001 - K toñ n t@ chñh (P1) H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3642010278	36KT1	V ¹ / ₂ Tu n Anh	01/09/1993	8.0					8.0					8.0	4.0	8.5	4.3	8.3	
2	3642010096	36KT1	L ² Th Ái	20/07/1993	7.0					8.0					7.7	3.9	5.5	2.8	6.6	
3	3642010071	36KT1	Tr n Ng c Ánh	10/04/1994	8.0					7.0					7.3	3.7	2.0	1.0	4.7	
4	3642010209	36KT1	Ph m Th Cúc	27/06/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
5	3642010104	36KT1	V ¹ / ₂ Th Kim Cúc	11/02/1993	8.0					9.0					8.7	4.4	7.0	3.5	7.8	
6	3642010080	36KT1	ñ ình Th Thanh C ãg	04/12/1991	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
7	3642010206	36KT1	La Th Chót	01/10/1992	8.0					7.0					7.3	3.7	4.0	2.0	5.7	
8	3642010259	36KT1	Ph m Th Hi n	25/07/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
9	3642010263	36KT1	Ph m Th Thu Hi n	19/01/1994	7.0					8.0					7.7	3.9	4.5	2.3	6.1	
10	3642010188	36KT1	Nguy n Th Thu H ãg	27/04/1993	8.0					7.0					7.3	3.7	6.0	3.0	6.7	
11	3642010202	36KT1	Hà Thanh Huy	23/11/1993	9.0					9.0					9.0	4.5	0.0	0.0	4.5	
12	3642010085	36KT1	Phan Th M ãg H ãg	07/04/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
13	3642010156	36KT1	L ² Th Th ³ / ₄ Ki u	05/03/1994	8.0					8.0					8.0	4.0	5.0	2.5	6.5	
14	3642010094	36KT1	Ph m Th R c Ky	14/04/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
15	3642012064	36KT1	ñ o@ Mai Trung Khánh	16/03/1994	8.0					9.0					8.7	4.4	6.5	3.3	7.6	
16	3642010051	36KT1	Nguy n Th Thanh Li u	22/05/1994	8.0					7.0					7.3	3.7	2.0	1.0	4.7	
17	3642010118	36KT1	L ãg Th Th _ç y Linh	25/08/1994	8.0					9.0					8.7	4.4	5.0	2.5	6.8	
18	3642010200	36KT1	B _ç i Th My	03/05/1994	9.0					8.0					8.3	4.2	4.0	2.0	6.2	
19	3642010038	36KT1	Ng» Th Kim Ngãn	15/11/1991	7.0					9.0					8.3	4.2	5.5	2.8	6.9	
20	3642010488	36KT1	Nguy n Th Thu Ng c	21/08/1994	7.0					9.0					8.3	4.2	5.5	2.8	6.9	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹a h c : **L p h c** : 36KT1 **N¹m h c** : 2012-2013 **ñVHT** : 6
 (90,0,0,0,0,0)

H ñT : **H c ph n** : 122164301001 - K to"n t@ ch'nh (P1) **H c km** : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THI NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3642010262	36KT1	L ² Ng c Kim	Nhung	13/12/1988	8.0					9.0					8.7	4.4	8.0	4.0	8.3	
22	3642010275	36KT1	Ph m Th Lan	Ph ng	04/12/1994	7.0					8.0					7.7	3.9	3.0	1.5	5.3	
23	3642010189	36KT1	H a Anh	Quang	11/02/1994	8.0					8.0					8.0	4.0	3.5	1.8	5.8	
24	3642010186	36KT1	M H ng	Quyên	06/10/1994	8.0					8.0					8.0	4.0	1.0	0.5	4.5	
25	3642010126	36KT1	Nguy n Th Ng c	Quyên	13/05/1992	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
26	3642010299	36KT1	Tr n Th	Quinnh	01/05/1991	8.0					7.0					7.3	3.7	5.0	2.5	6.2	
27	3642010073	36KT1	Nguy n Ph m Ph¾	Sang	29/07/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
28	3642010236	36KT1	Phong H u	Tài	19/04/1990	8.0					9.0					8.7	4.4	5.5	2.8	7.1	
29	3642012033	36KT1	Nguy n Di m Minh	Tâm	08/03/1994	7.0					9.0					8.3	4.2	6.5	3.3	7.4	
30	3642010130	36KT1	D ng Ng c	Ti m	22/11/1988	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
31	3642010117	36KT1	Phan Hùng	Ti n	02/11/1993	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
32	3642010193	36KT1	Nguy n Thanh	Toàn	02/10/1993	8.0					9.0					8.7	4.4	5.5	2.8	7.1	
33	3642010300	36KT1	Tr n Th	T i	10/04/1992	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
34	3642010171	36KT1	V½Nguy n Duy	T	05/06/1993	6.0					8.0					7.3	3.7	8.5	4.3	7.9	
35	3642010044	36KT1	L ² Th	Th m	01/01/1994	8.0					8.0					8.0	4.0	5.0	2.5	6.5	
36	3642010308	36KT1	B½i Th	Thi n	24/09/1994	7.0					9.0					8.3	4.2	6.0	3.0	7.2	
37	3642010205	36KT1	L ² Th L	Thu	23/03/1993	8.0					9.0					8.7	4.4	4.0	2.0	6.3	
38	3642010198	36KT1	Quách Trung	Thu	15/08/1985	8.0					9.0					8.7	4.4	5.5	2.8	7.1	
39	3642010076	36KT1	Tr n Th	Thu	20/11/1994	8.0					9.0					8.7	4.4	6.0	3.0	7.3	
40	3642010018	36KT1	L u Th	Th y	17/03/1994	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36KT1 NẤm h c : 2012-2013 ấ VHT : 6
(90,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122164301001 - K to n t@ch nh (P1) H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
41	3642010019	36KT1	Nguy n Th Ho@ Th ng	21/03/1989	8.0					9.0					8.7	4.4	6.0	3.0	7.3	
42	3642010181	36KT1	L ² Th Th o Trang	12/04/1993	8.0					9.0					8.7	4.4	5.0	2.5	6.8	
43	3642010102	36KT1	Tr n Th B'ch Trang	21/05/1994	8.0					9.0					8.7	4.4	8.0	4.0	8.3	
44	3642010138	36KT1	L ² ấ nh Trung	07/09/1993	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
45	3642010184	36KT1	D ng Th Thanh Trú c	29/10/1994	9.0					7.0					7.7	3.9	5.0	2.5	6.3	
46	3642010129	36KT1	Tr n Th Tr ng	19/06/1993	8.0					9.0					8.7	4.4	3.5	1.8	6.1	
47	3642010165	36KT1	Huunnh Mai H@n Yên	07/11/1994	8.0					8.0					8.0	4.0	4.0	2.0	6.0	
48	3642010164	36KT1	Nguy n Quunnh Y n	23/06/1986	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

T ng s : 48 h c sinh sinh vĩ n Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi" o Vĩ² n B M»n Gi" o V Khoa